

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, Ngày 29 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP HCM**  
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDC)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Mã chứng khoán: GEX

Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39726245/6

Fax: 024 39726282

Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Tuấn Anh

Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 024. 39726245

Fax: 024 39726282

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (\*):

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam công bố thông tin về Báo cáo tài chính riêng đã soát xét giữa niên độ ngày 30/06/2018

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2018 tại đường dẫn: [http://gelex.vn/financial\\_report](http://gelex.vn/financial_report)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\*Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
ngày 30/06/2018

**Người đại diện theo pháp luật/**

**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Phạm Tuấn Anh**

Số: 172 /GELEX-TGD  
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 trên báo cáo riêng

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX) là công ty đại chúng quy mô lớn, hiện đang niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh – mã chứng khoán GEX.

Tổng Công ty chúng tôi xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2018 là 103.697.046.998 đồng; giảm 48.435.646.205 đồng, tương đương mức giảm 31,84% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí lãi vay tăng; cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**   
  
**Nguyễn Văn Tuấn**

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 48

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Hoa Cương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Hồng Lĩnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2018
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) đề ngày 29 tháng 8 năm 2018.

# Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100  
Fax: + 84 24 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61355749/20161018/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.531.037.678.544</b>	<b>1.138.781.640.369</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.054.499.014.365</b>	<b>131.524.793.836</b>
111	1. Tiền		1.054.499.014.365	131.524.793.836
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>487.890.708.781</b>	<b>278.177.363.847</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		505.307.171.781	282.274.722.247
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán		(17.416.463.000)	(4.097.358.400)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>953.545.119.353</b>	<b>703.475.846.579</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	291.683.898.686	248.917.093.713
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.762.769.143	2.011.540.693
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	274.000.000.000	359.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	395.483.753.907	103.932.514.556
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(10.385.302.383)	(10.385.302.383)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>26.325.809.936</b>	<b>16.425.519.542</b>
141	1. Hàng tồn kho		26.325.809.936	16.425.519.542
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.777.026.109</b>	<b>9.178.116.565</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.518.861.043	702.002.083
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.147.505.985	8.466.481.532
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		110.659.081	9.632.950
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>6.360.581.753.645</b>	<b>5.468.161.781.863</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>73.438.456.776</b>	<b>104.913.296.329</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	73.438.456.776	104.913.296.329
222	Nguyên giá		177.842.633.645	209.731.903.459
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(104.404.176.869)	(104.818.607.130)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>254.198.959.979</b>	<b>233.036.881.965</b>
231	1. Nguyên giá		294.967.913.005	263.078.643.191
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(40.768.953.026)	(30.041.761.226)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>8.556.296.995</b>	<b>4.919.124.001</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		8.556.296.995	4.919.124.001
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>6.002.696.449.535</b>	<b>5.098.212.303.521</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.942.632.140.092	5.042.632.140.092
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		69.285.387.977	69.285.387.977
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(9.221.078.534)	(13.705.224.548)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>21.691.590.360</b>	<b>27.080.176.047</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	21.691.590.360	27.080.176.047
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.891.619.432.189</b>	<b>6.606.943.422.232</b>

118  
D  
TN  
ST  
I  
HI  
HA  
/ KI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.919.678.131.494</b>	<b>2.996.133.685.201</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.094.946.367.993</b>	<b>1.761.766.527.281</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	431.383.274.113	215.908.129.840
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		394.945.957	270.439.957
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	158.195.727	47.987.000
314	4. Phải trả người lao động		2.655.090.003	8.837.350.895
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	21.705.106.600	12.383.080.654
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	3.994.471.471	3.371.224.080
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	83.964.525.770	65.549.838.565
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.536.088.589.687	1.440.283.959.094
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		4.471.704.700	12.594.597.675
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.130.463.965	2.519.919.521
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.824.731.763.501</b>	<b>1.234.367.157.920</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	45.279.714.446	45.835.022.150
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	14.219.135.370	101.090.733.507
338	3. Vay dài hạn	20	1.755.328.465.927	1.073.600.000.004
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		9.904.447.758	13.841.402.259
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.971.941.300.695</b>	<b>3.610.809.737.031</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>4.969.792.481.256</b>	<b>3.608.583.434.258</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.388.000.000.000	2.668.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.388.000.000.000	2.668.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.169.449.724.760	622.337.724.760
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		412.342.756.496	318.245.709.498
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		308.645.709.498	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		103.697.046.998	318.245.709.498
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>2.148.819.439</b>	<b>2.226.302.773</b>
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.148.819.439	2.226.302.773
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.891.619.432.189</b>	<b>6.606.943.422.232</b>

Dương Việt Nga  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.404.679.435.912	1.244.163.237.360
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.404.679.435.912	1.244.163.237.360
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.373.043.622.835)	(1.217.619.028.915)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.635.813.077	26.544.208.445
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	219.333.371.972	243.806.986.992
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	24	(133.522.180.769) (119.785.564.373)	(98.358.123.443) (98.810.047.807)
25	8. Chi phí bán hàng	25	10.915.230.771	6.763.710.205
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(23.500.294.218)	(25.575.346.464)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		104.861.940.833	153.181.435.735
31	11. Thu nhập khác		106.060.138	150.000
32	12. Chi phí khác		(1.270.953.973)	(1.048.892.532)
40	13. Lỗ khác		(1.164.893.835)	(1.048.742.532)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.697.046.998	152.132.693.203
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		103.697.046.998	152.132.693.203



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>103.697.046.998</b>	<b>152.132.693.203</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		10.235.278.205	9.924.307.945
03	Hoàn nhập dự phòng		(3.224.888.890)	(6.686.991.641)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(1.805.859)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(218.751.350.688)	(226.545.730.559)
06	Chi phí lãi vay	24	119.785.564.373	98.810.047.807
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>11.741.649.998</b>	<b>27.632.520.896</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(39.743.556.696)	(76.161.878.749)
10	Tăng hàng tồn kho		(9.900.290.394)	(74.843.449.785)
11	Tăng các khoản phải trả		216.831.076.347	6.460.440.165
12	Giảm chi phí trả trước		1.571.726.727	873.728.591
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(223.032.449.534)	(432.953.291.477)
14	Tiền lãi vay đã trả		(109.813.642.452)	(100.402.351.029)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(826.829.447)	(6.918.948.141)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.600.000	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.992.055.556)	(8.838.681.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(155.161.771.007)</b>	<b>(665.151.910.529)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.637.172.994)	(4.093.577.965)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(748.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		77.000.000.000	47.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(468.000.000.000)	(2.432.262.876.940)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		93.000.000.000	26.700.707.486
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		158.643.584.026	335.532.130.845
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(890.993.588.968)</b>	<b>(2.027.123.616.574)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

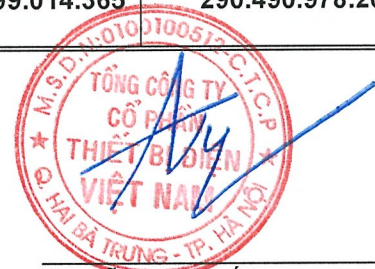
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.195.112.000.000	1.396.895.970.000
33	Tiền thu từ đi vay		1.791.692.168.882	2.085.852.008.468
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.017.629.108.378)	(2.220.589.202.447)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45.480.000)	(231.811.825.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.969.129.580.504</b>	<b>1.030.346.951.021</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>922.974.220.529</b>	<b>(1.661.928.576.082)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>131.524.793.836</b>	<b>1.952.418.381.205</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.173.079
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>1.054.499.014.365</b>	<b>290.490.978.202</b>



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 83 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	79,76%	79,76%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng, nước sạch
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	70,79%	70,79%	Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (“GELEX Electric”) [trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo điện]	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (“K.I.P Việt Nam”)	72,40%	72,40%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Sotrans")	54,78%	54,78%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
9	Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari ("VIHEM")	65,37%	65,37%	Tổ 24, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện
10	Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land ("GELEX Land")	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Lô D1-3, Khu Công nghiệp Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh dây và cáp điện
3	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (*)	51,86%	51,86%	Tổ 12, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp
4	Công ty TNHH Phát triển Xuất Nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	51,86%	100%	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa

(\*) Công ty Cadivi Đồng Nai nắm cổ phần chi phối (51,86%) trong Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội.

Công ty HEM:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	99,82%	99,82%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100%	100%	Km12 – đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

Công ty Năng lượng GELEX:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	68,74%	68,74%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận") (i)	100%	100%	Số 126 đường 16/4, phường Mỹ Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty Cổ phần Năng lượng GELEX Bình Thuận ("GELEX Bình Thuận") (i)	86,79%	90%	Khu biệt thự Sunny Villa, Hòn Rơm, Phường Mũi Né, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Viwasupco")	58,76%	58,76%	Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Sản xuất và cung cấp nước sạch

(i) Các công ty con này chưa hoạt động sản xuất kinh doanh do vẫn đang trong giai đoạn phát triển dự án tại ngày lập báo cáo tài chính.

Công ty Sotrans:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco")	84,39%	84,39%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
4	Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Công ty Sotrans (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Vietranstimex ("VTX")	84%	84%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện Thủy Cấn Thơ ("Đóng tàu Cấn Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Tài sản khác	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng**

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

M  
Ô  
T  
P  
C  
P  
T  
Đ  
V  
N



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 *Tăng vốn chủ sở hữu thông qua thực hiện chứng quyền*

Vốn cổ phần tăng (do các bên nắm giữ Chứng quyền phát hành bởi Tổng Công ty thực hiện quyền mua cổ phần của Chứng quyền) được góp bằng tiền và được ghi nhận theo số tiền thực góp, bao gồm:

- ▶ Vốn cổ phần tăng = số lượng cổ phiếu được phát hành (X) mệnh giá mỗi cổ phiếu.

*Trong đó:*

- Số lượng cổ phiếu được phát hành tương ứng với số Chứng Quyền được thực hiện quyền mua cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần bao gồm:
  - Phần chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu khi thực hiện Chứng quyền (theo quy định của Hợp đồng phát hành Chứng quyền) và mệnh giá cổ phiếu;
  - Giá trị phát hành Chứng quyền tương ứng với số lượng Chứng quyền thực hiện; và
  - Các chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 3.17 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Tiền mặt	1.300.945.272	914.464.456
Tiền gửi ngân hàng	1.053.198.069.093	130.610.329.380
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.054.499.014.365</u></b>	<b><u>131.524.793.836</u></b>

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Trái phiếu (i)	460.180.561.650	460.180.561.650	-	233.000.000.000	233.000.000.000	-
Cổ phiếu Ủy thác đầu tư (ii)	-	-	-	4.870.895.400	4.870.895.400	(271.895.400)
	45.126.610.131	45.126.610.131	(17.416.463.000)	44.403.826.847	44.403.826.847	(3.825.463.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>505.307.171.781</b>	<b>505.307.171.781</b>	<b>(17.416.463.000)</b>	<b>282.274.722.247</b>	<b>282.274.722.247</b>	<b>(4.097.358.400)</b>

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	104.297.000.000	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 9 tháng 1 năm 2019	10,73%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	102.747.260.300	Kỳ hạn 2 năm, lãi được nhận 6 tháng một lần, đáo hạn ngày 21 tháng 2 năm 2019	9,70%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc của trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020.	9,50%	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ và Giáo dục Hải An	153.136.301.350	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Khoản gốc của trái phiếu đáo hạn vào ngày 29 tháng 8 năm 2020.	9,50%	(*)
	<b>460.180.561.650</b>			

(\*) Các khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu nắm giữ bởi các tổ chức phát hành hoặc các bên thứ ba.

Tổng Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

(ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư của Tổng Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ký ngày 19 tháng 1 năm 2017 và các phụ lục, nhằm mục đích ủy thác đầu tư cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải thu từ khách hàng	16.099.107.256	14.476.932.890
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	5.763.936.875
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	3.287.884.200	3.287.884.200
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Thiên Sơn	2.190.950.411	110.932.556
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.856.335.770	5.314.179.259
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>275.584.791.430</u>	<u>234.440.160.823</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>291.683.898.686</u></b>	<b><u>248.917.093.713</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.317.802.383)	(8.317.802.383)

Quyền thụ hưởng các khoản phải thu đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.1.

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u><i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i></u>		<u><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i></u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	(2.000.000.000)	4.000.000.000	(2.000.000.000)
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	<u>270.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>355.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>274.000.000.000</u></b>	<b><u>(2.000.000.000)</u></b>	<b><u>359.000.000.000</u></b>	<b><u>(2.000.000.000)</u></b>

(\*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần (i)	324.000.000.000	-	93.000.000.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức được chia	70.791.072.218	(67.500.000)	10.683.305.556	(67.500.000)
Tạm ứng cho nhân viên	441.000.000	-	206.000.000	-
Ký cược ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
Phải thu khác	229.211.689	-	20.739.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>395.483.753.907</b>	<b>(67.500.000)</b>	<b>103.932.514.556</b>	<b>(67.500.000)</b>
Trong đó:				
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)				
Phải thu ngắn hạn khác	59.527.630.057	-	1.089.861.112	-
	335.956.123.850	(67.500.000)	102.842.653.444	(67.500.000)

- (i) Tổng Công ty đặt cọc cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, một công ty trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải và một ngân hàng thương mại cổ phần thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2018.

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	1.725.103.815	5.763.936.875	1.725.103.815
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	7.422.884.200	3.466.278.580	7.422.884.200	3.466.278.580
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Nghệ An	1.016.134.480	-	1.016.134.480	-
Các khoản khác	1.373.729.223	-	1.373.729.223	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.576.684.778</b>	<b>5.191.382.395</b>	<b>15.576.684.778</b>	<b>5.191.382.395</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	26.212.049.666	-	16.297.725.156	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	113.760.270	-	127.794.386	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.325.809.936</b>	<b>-</b>	<b>16.425.519.542</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	146.071.732.732	32.772.777.846	12.293.260.909	18.594.131.972	209.731.903.459
- Chuyển sang bất động sản đầu tư ( <i>Thuyết minh số 12</i> )	(19.867.126.145)	(2.783.909.017)	-	(9.238.234.652)	(31.889.269.814)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>126.204.606.587</u>	<u>29.988.868.829</u>	<u>12.293.260.909</u>	<u>9.355.897.320</u>	<u>177.842.633.645</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	38.259.479.779	21.166.449.247	3.734.250.000	422.929.864	63.583.108.890
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	70.062.028.307	24.336.444.101	5.793.202.128	4.626.932.594	104.818.607.130
- Khấu hao trong kỳ	1.841.445.527	422.055.374	713.250.912	770.996.198	3.747.748.011
- Chuyển sang bất động sản đầu tư ( <i>Thuyết minh số 12</i> )	(1.255.393.153)	(485.053.503)	-	(2.421.731.616)	(4.162.178.272)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>70.648.080.681</u>	<u>24.273.445.972</u>	<u>6.506.453.040</u>	<u>2.976.197.176</u>	<u>104.404.176.869</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>76.009.704.425</u>	<u>8.436.333.745</u>	<u>6.500.058.781</u>	<u>13.967.199.378</u>	<u>104.913.296.329</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>55.556.525.906</u>	<u>5.715.422.857</u>	<u>5.786.807.869</u>	<u>6.379.700.144</u>	<u>73.438.456.776</u>

Một số tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành (phần diện tích sử dụng nội bộ), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tài sản khác (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	167.743.545.285	95.335.097.906	263.078.643.191
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình ( <i>Thuyết minh số 11</i> )	<u>19.867.126.145</u>	<u>12.022.143.669</u>	<u>31.889.269.814</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>187.610.671.430</u>	<u>107.357.241.575</u>	<u>294.967.913.005</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.481.162.380	20.560.598.846	30.041.761.226
- Khấu hao trong kỳ	1.743.928.770	4.821.084.758	6.565.013.528
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình ( <i>Thuyết minh số 11</i> )	<u>1.255.393.153</u>	<u>2.906.785.119</u>	<u>4.162.178.272</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>12.480.484.303</u>	<u>28.288.468.723</u>	<u>40.768.953.026</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>158.262.382.905</u>	<u>74.774.499.060</u>	<u>233.036.881.965</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>175.130.187.127</u>	<u>79.068.772.852</u>	<u>254.198.959.979</u>

(\*) Đây là cơ sở hạ tầng gắn liền với bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>				<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>			
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>5.942.632.140.092</b>	<b>(9.221.078.534)</b>	<b>7.678.395.919.630</b>		<b>5.042.632.140.092</b>	<b>(13.705.224.548)</b>	<b>6.948.945.397.972</b>
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (*) (i) (iii)	100%	2.300.000.000.000	-	2.300.000.000.000	100%	1.400.000.000.000	-	1.400.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (i)	54,78%	1.207.900.254.098	-	884.519.678.700	54,78%	1.207.900.254.098	-	968.759.648.100
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (i)	79,76%	1.060.409.404.391	-	2.297.182.400.000	79,76%	1.060.409.404.391	-	2.389.069.696.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (i)	70,79%	576.262.038.822	-	1.198.779.824.300	70,79%	576.262.038.822	-	1.276.510.504.550
Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (*)	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (i)	65,88%	214.009.733.181	-	339.391.430.000	65,88%	214.009.733.181	-	368.482.124.000
Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam (ii)	72,40%	83.192.391.973	-	156.272.112.000	72,40%	83.192.391.973	-	65.798.784.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (**)	65,37%	82.327.167.627	(6.652.003.164)	86.288.400.000	65,37%	82.327.167.627	(12.939.625.870)	62.559.090.000
Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (*) (i)	100%	50.000.000.000	(2.569.075.370)	47.430.924.630	100%	50.000.000.000	(765.598.678)	49.234.401.322
Công ty TNHH GELEX Campuchia (*)	100%	531.150.000	-	531.150.000	100%	531.150.000	-	531.150.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>69.285.387.977</b>	<b>-</b>	<b>69.285.387.977</b>		<b>69.285.387.977</b>	<b>-</b>	<b>69.285.387.977</b>
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.011.917.528.069</b>	<b>(9.221.078.534)</b>	<b>7.747.681.307.607</b>		<b>5.111.917.528.069</b>	<b>(13.705.224.548)</b>	<b>7.018.230.785.949</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

- (i) Tổng Công ty đã thế chấp một phần cổ phiếu của các công ty con này để đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành của Tổng Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 20).
- (ii) Theo Quyết định số 08/2018/GELEX/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt việc thoái vốn đầu tư trong Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, việc thoái vốn này vẫn chưa hoàn thành.
- (iii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX với giá trị 900 tỷ VND.
- (\*) Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Tổng Công ty trích lập dự phòng theo quy định tại các Thông tư 89/2013/TT-BTC và Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trưởng Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện tử và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị này không đổi.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	11.942.599.594	12.209.411.176
Chi phí nội thất và cải tạo văn phòng	227.779.282	5.086.514.073
Chi phí thuê đất trả trước (*)	7.096.808.298	7.195.275.780
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.033.984.549	1.725.240.243
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	263.971.849	450.082.364
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.126.446.788	413.652.411
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.691.590.360</b>	<b>27.080.176.047</b>

(\*) Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền và chi phí thuê đất trả trước là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được thuê lại bởi Công ty GELEX Electric, công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	431.121.867.619	431.121.867.619	161.442.662.209	161.442.662.209
- LS-Nikko Copper Inc.	322.228.851.114	322.228.851.114	76.560.415.519	76.560.415.519
- Công ty TNHH Trung tâm Thép NSSB Sài Gòn	7.804.789.976	7.804.789.976	19.171.913.203	19.171.913.203
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Thái Sơn	24.912.921.892	24.912.921.892	15.296.989.553	15.296.989.553
- SOFIA MED	24.768.628.905	24.768.628.905	10.620.519.617	10.620.519.617
- Phải trả đối tượng khác	51.406.675.732	51.406.675.732	39.792.824.317	39.792.824.317
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	261.406.494	261.406.494	54.465.467.631	54.465.467.631
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>431.383.274.113</b>	<b>431.383.274.113</b>	<b>215.908.129.840</b>	<b>215.908.129.840</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế giá trị gia tăng	-	39.602.976.690	(39.602.976.690)	-
Thuế nhập khẩu	-	1.845.545.850	(1.845.545.850)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	826.829.447	(826.829.447)	-
Thuế thu nhập cá nhân	47.987.000	1.245.043.163	(1.134.834.436)	158.195.727
Thuế đất	-	4.221.054.508	(4.221.054.508)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.789.701.902	(1.789.701.902)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.987.000</b>	<b>49.531.151.560</b>	<b>(49.420.942.833)</b>	<b>158.195.727</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	21.672.106.600	11.700.184.679
Chi phí phải trả khác	33.000.000	682.895.975
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.705.106.600</b>	<b>12.383.080.654</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.994.471.471	3.371.224.080
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.994.471.471</b>	<b>3.371.224.080</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.279.714.446	45.835.022.150
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.279.714.446</b>	<b>45.835.022.150</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng quyền đặt mua (**)	18.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	101.490.000	146.970.000
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Kinh phí Công đoàn	38.736.647	17.320.058
Các khoản phải trả, phải nộp khác	525.835.394	251.218.720
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	45.298.463.729	45.134.329.787
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>83.964.525.770</b>	<b>65.549.838.565</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chứng quyền đặt mua (**)	-	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.219.135.370	11.090.733.507
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.219.135.370</b>	<b>101.090.733.507</b>

(\*) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn – Hà Nội.

(\*\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông, trong năm 2016 Tổng Công ty đã phát hành 1.800 chứng quyền và mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với tổng giá trị phát hành là 90.000.000.000 VND. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Trong kỳ, các bên nắm giữ chứng quyền đã thực hiện quyền mua cổ phiếu đợt 1 tương ứng với 1.440 chứng quyền ở mức giá là 16.600 VND/cổ phiếu (Xem thêm tại Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

*Đơn vị tính: VND*

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	20.1	747.330.626.702	747.330.626.702	1.112.978.738.973	(983.841.609.319)	876.467.756.356	876.467.756.356
Trái phiếu phát hành	20.2	299.165.833.333	299.165.833.333	454.999.998	-	299.620.833.331	299.620.833.331
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	20.2	360.000.000.000	360.000.000.000	-	-	360.000.000.000	360.000.000.000
Vay tổ chức		33.787.499.059	33.787.499.059	-	(33.787.499.059)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.440.283.959.094</b>	<b>1.440.283.959.094</b>	<b>1.113.433.738.971</b>	<b>(1.017.629.108.378)</b>	<b>1.536.088.589.687</b>	<b>1.536.088.589.687</b>
<b>Vay dài hạn</b>							
Trái phiếu phát hành	20.2	1.073.600.000.004	1.073.600.000.004	681.728.465.923	-	1.755.328.465.927	1.755.328.465.927
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.073.600.000.004</b>	<b>1.073.600.000.004</b>	<b>681.728.465.923</b>	<b>-</b>	<b>1.755.328.465.927</b>	<b>1.755.328.465.927</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018 VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	425.890.155.291	Kỳ hạn vay từ 3 - 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đến hạn ngày 15 tháng 12 năm 2018	5,25% - 5,6%	Quyền thụ hưởng các khoản phải thu.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	403.588.748.818	Kỳ hạn vay từ 4 - 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đến hạn ngày 21 tháng 10 năm 2018	5,8%	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, quyền thụ hưởng các khoản phải thu và các tài sản khác.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	46.988.852.247	Kỳ hạn vay 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đến hạn ngày 13 tháng 9 năm 2018	5,8%	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, quyền thụ hưởng các khoản phải thu và các tài sản khác.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>876.467.756.356</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
<b>Ngắn hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	300.000.000.000	10,5%	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2018	300.000.000.000	10,5%	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2018
Chi phí phát hành trái phiếu	(379.166.669)			(834.166.667)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>299.620.833.331</b>			<b>299.165.833.333</b>		
<b>Dài hạn</b>						
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	300.000.000.000	9,50%	Đáo hạn vào tháng 4 năm 2020	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	400.000.000.000	6,5% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 5 năm 2020	-	-	-
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (**)	1.440.000.000.000	9,25% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019	1.440.000.000.000	9,3% - 9,5%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu	(24.671.534.073)			(6.399.999.996)		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.115.328.465.927</b>			<b>1.433.600.000.004</b>		
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	360.000.000.000			360.000.000.000		
Trái phiếu dài hạn	1.755.328.465.927			1.073.600.000.004		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)**

(\*) Gồm 2 hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 29112017/HĐĐMTP/GELEX-MIC giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Bảo hiểm Quân đội ký ngày 29 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 155 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 155 tỷ VND.
- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 20171130/HĐĐMTP/GELEX-MBCAPITAL giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ký ngày 30 tháng 11 năm 2017, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 145 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 145 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm 9.000.000 cổ phiếu CAV (Công ty Cadivi) mà Tổng Công ty nắm giữ và các lợi ích liên quan trực tiếp đến 9.000.000 cổ phiếu này.

(\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN và số 02/2018/HĐĐMTP/GELEX-HAIAN giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An ký ngày 2 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 12.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, một công ty con của Tổng công ty.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2018/HĐĐM/GELEX-DC và số 02/2018/HĐĐM/GELEX-DC giữa Tổng Công ty và Quỹ đầu tư Vietnam Debt Fund SPC ký ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 6.000.000 cổ phiếu VCW (Công ty Viwasupco) thuộc sở hữu của Công ty Năng lượng GELEX, một công ty con của Tổng công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY (tiếp theo)**

**20.2 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)**

(\*\*) Gồm các hợp đồng đặt mua trái phiếu như sau (tiếp theo):

(iii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 005/2018/GELEX-SHBVN giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 200 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 200 tỷ VND.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 004/2018/GELEX-HANABANK giữa Tổng Công ty và Ngân hàng KEB HANA ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 006/2018/GELEX-SSV giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ký ngày 15 tháng 5 năm 2018, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 100 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm 41.670.000 cổ phiếu STG (Công ty Sotrans) thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

(iv) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong ký ngày 12 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành; và
- ▶ 10.946.969 cổ phiếu THI (Công ty Thibidi), 24.242.245 cổ phiếu HEM (Công ty HEM) thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

(v) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ký ngày 6 tháng 12 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ VND.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này tại ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

- ▶ 29.000.000 cổ phiếu phổ thông CAV (Công ty Cadivi) thuộc sở hữu của Tổng Công ty; và
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty GELEX Land.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
- Tăng vốn trong kỳ	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	1.385.729.724.760
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	5.025.000.000	-	-	11.633.000.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	152.132.693.203	152.132.693.203
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(232.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.110.131.000)	(12.110.131.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.320.000.000.000</u>	<u>688.715.724.760</u>	<u>-</u>	<u>139.656.441.276</u>	<u>243.035.612.712</u>	<u>3.391.407.778.748</u>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.668.000.000.000	622.337.724.760	-	-	318.245.709.498	3.608.583.434.258
- Tăng vốn trong kỳ (*)	720.000.000.000	547.112.000.000	-	-	-	1.267.112.000.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	103.697.046.998	103.697.046.998
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành (**)	-	-	-	-	(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.388.000.000.000</u>	<u>1.169.449.724.760</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>412.342.756.496</u>	<u>4.969.792.481.256</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 14/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phần của chứng quyền đợt 1; theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thêm 72.000.000 cổ phần tương ứng với việc thực hiện quyền mua cổ phần của 1.440 chứng quyền với mức giá 16.600 đồng/cổ phiếu. Số tiền (72 tỷ VND) mà Tổng Công ty thu được khi phát hành các chứng quyền này được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(\*\*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết số 08/GELEX/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty đã quyết định trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, với tổng số tiền là 9,6 tỷ VND.

**21.2 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
--	--

**Cổ tức đã công bố trong kỳ**

*Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông*

Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	-	232.000.000.000
Cổ tức cho năm 2017: 1.000 VND/cổ phiếu	-	-

**Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 (\*)**

<b>338.800.000.000</b>	<b>-</b>
------------------------	----------

(\*) Xem thêm tại Thuyết minh số 30.

**21.3 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị VND</i>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>338.800.000</b>	<b>3.388.000.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>338.800.000</b>	<b>3.388.000.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	338.800.000	3.388.000.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>338.800.000</b>	<b>3.388.000.000.000</b>	<b>266.800.000</b>	<b>2.668.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	338.800.000	3.388.000.000.000	266.800.000	2.668.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là GEX từ ngày 18 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.404.679.435.912</b>	<b>1.244.163.237.360</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	1.363.796.637.364	1.212.256.245.934
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.527.228.461	17.685.805.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.355.570.087	14.221.185.962
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.404.679.435.912</b>	<b>1.244.163.237.360</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	1.363.796.637.364	1.212.256.245.934
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.527.228.461	17.685.805.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.355.570.087	14.221.185.962
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	43.871.625.210	249.435.837.708
Doanh thu đối với bên liên quan	1.360.807.810.702	994.727.399.652

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	183.393.324.000	206.780.002.180
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	35.358.026.688	19.882.395.061
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	547.104.600	16.620.604.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.916.684	523.985.659
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.333.371.972</b>	<b>243.806.986.992</b>

**22.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	22.527.228.461	17.685.805.464
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	(14.083.223.579)	(9.449.276.483)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.351.158.439.572	1.201.079.717.325
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	14.083.223.579	9.449.276.483
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	7.801.959.684	7.090.035.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.373.043.622.835</u></b>	<b><u>1.217.619.028.915</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	119.785.564.373	98.810.047.807
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	3.470.036.012	1.600.000.002
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	8.834.958.586	(2.385.680.373)
Chi phí tài chính khác	1.431.621.798	333.756.007
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>133.522.180.769</u></b>	<b><u>98.358.123.443</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.616.705	2.111.291.769
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(12.059.847.476)	(8.875.001.974)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(10.915.230.771)</u></b>	<b><u>(6.763.710.205)</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	5.240.349.576	10.995.146.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.019.263.330	3.992.848.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.476.962.358	4.007.961.014
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.763.718.954	6.579.390.335
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.500.294.218</u></b>	<b><u>25.575.346.464</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.351.857.309.611	1.205.240.764.399
Chi phí nhân công	8.373.120.569	14.100.324.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.235.278.205	9.924.307.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.754.131.924	6.795.319.052
Chi phí khác	1.408.845.973	369.949.534
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.385.628.686.282</u></b>	<b><u>1.236.430.665.174</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.697.046.998	152.132.693.203
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Tổng Công ty	20.739.409.400	30.426.538.641
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	356.895.872	488.988.652
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	14.561.801.538	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	914.738.141
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận liên quan tới lỗ tính thuế phát sinh trong kỳ	1.486.741.975	9.525.969.618
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(36.678.664.800)	(41.356.000.436)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành bán hàng theo Biên bản thanh tra thuế	(466.183.985)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	(234.616)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**27.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 64.256.168.259 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2018
2017	2022 (*)	56.822.458.386	-	-	56.822.458.386
2018	2023 (**)	7.433.709.870	-	-	7.433.709.870
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>64.256.168.256</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>64.256.168.256</b>

(\*) Khoản lỗ tính thuế đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán theo Biên bản thanh tra thuế ngày 31 tháng 5 năm 2018.

(\*\*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Công ty Cadivi	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	965.040.173.461 68.915.472.000	786.084.313.990 150.652.768.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	639.978.078.816	247.486.628.271
Công ty Thibibi	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	359.549.558.481 17.273.484.500	204.309.189.246 103.640.907.000
Công ty Năng lượng GELEX	Công ty con	Cho vay Chuyển tiền cho vay Thành vốn góp Góp vốn Thu hồi gốc cho vay Lãi cho vay	748.000.000.000 756.000.000.000 144.000.000.000 77.000.000.000 22.074.401.445	- - - - -
Công ty VIHEM	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	3.361.726.704	-
Công ty HEM	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	36.363.367.500 9.176.589.830	48.483.390.000 362.430.870
Công ty GELEX Electric	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	60.000.000.000 22.142.365.992 10.705.564.000	- - -
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Đầu tư trái phiếu kinh doanh	207.044.260.300	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay Công ty Năng lượng GELEX có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

ST  
VI  
HI  
H  
VK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Các nhân sự lãnh đạo là thành viên gia đình	Trái phiếu ngắn hạn	207.044.260.300	-
			<b>207.044.260.300</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cadivi	Công ty con	Bán hàng hóa	176.915.670.355	132.654.183.494
Công ty Thibidi	Công ty con	Bán hàng hóa	76.299.800.059	100.478.204.961
Công ty GELEX Electric	Công ty con	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	13.345.471.106	696.238.993
Công ty Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	354.750.000	608.919.940
Công ty HEM	Công ty con	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	7.526.714.727	-
Công ty Năng lượng GELEX	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.876.599	1.278.915
Công ty VIHEM	Công ty con	Bán hàng hóa	1.136.713.506	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng thành viên HĐQT	Cung cấp dịch vụ	2.795.078	1.334.520
			<b>275.584.791.430</b>	<b>234.440.160.823</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Năng lượng GELEX	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	270.000.000.000	355.000.000.000
			<b>270.000.000.000</b>	<b>355.000.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Năng lượng GELEX	Công ty con	Phải thu về lãi cho vay	23.164.262.557	1.089.861.112
Công ty HEM	Công ty con	Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	36.363.367.500	-
			<b>59.527.630.057</b>	<b>1.089.861.112</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</b>				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	6.206.494	53.602.059.595
Công ty GELEX Land	Công ty con	Mua dịch vụ	-	550.000.000
Công ty HEM	Công ty con	Mua hàng hóa	-	201.758.036
Công ty Sotrans	Công ty con	Chi phí vận chuyển	255.200.000	111.650.000
			<b>261.406.494</b>	<b>54.465.467.631</b>

80  
IG  
TH  
&  
FI  
NH  
VN  
TM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Phải trả khác (Thuyết minh số 19)</b>				
Công ty GELEX Land	Công ty con	Đặt cọc thực hiện hợp đồng	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Sotrans	Công ty con	Thu hộ chi hộ	298.463.729	134.329.787
			<b>45.298.463.729</b>	<b>45.134.329.787</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng thu nhập			2.590.000.000	8.189.246.175
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.590.000.000</b>	<b>8.189.246.175</b>

**29. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đến 1 năm			47.899.597.283	36.932.857.129
Trên 1 – 5 năm			102.883.812.747	55.593.835.614
Trên 5 năm			90.740.990.780	90.851.901.852
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>241.524.400.810</b>	<b>183.378.594.595</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

**Cam kết về thuê hoạt động**

Tổng Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Tổng Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	1.353.217.428	1.353.217.427
Từ 1 – 5 năm	6.766.087.140	6.766.087.135
Trên 5 năm	46.382.900.003	47.053.947.546
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.502.204.571</b>	<b>55.173.252.108</b>

**30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 13 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu toàn bộ số cổ phần trong các công ty con là Công ty Cadivi, Công ty Thibidi và Công ty HEM cho Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex, công ty con của Tổng Công ty để thực hiện góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Thiết bị Điện Gelex.

Theo Nghị quyết số 17/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cụ thể là thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối) cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ phát hành là 5:1 (Cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm).

Theo Nghị quyết số 21/2018/GELEX/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 8 năm 2018, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, với tỷ lệ thực hiện 10% mệnh giá cổ phiếu/cổ phiếu, tương đương tổng số tiền là 338.800.000.000 VND với ngày chốt danh sách cổ đông là 17 tháng 8 năm 2018. Đồng thời, Hội đồng quản trị Tổng công ty cũng thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và trả cổ tức năm 2017 bằng tiền là ngày 17 tháng 8 năm 2018. Vào ngày 22 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 67.760.000 cổ phiếu phổ thông từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, qua đó nâng vốn cổ phần của Tổng Công ty lên 4.065.600.000.000 VND.

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đa số cổ phần của Công ty K.I.P Việt Nam, công ty con của Tổng Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần K.I.P Việt Nam không còn là công ty con của Tổng Công ty kể từ ngày này.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.



Dương Việt Nga  
Người lập



Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2018